

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TPĐ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/DSST

Ngày: 29/7/2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TPĐ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Lực

2. Bà Ngô Văn Bi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Duy Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện TPĐ;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TPĐ, tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2022/TLST-DS, ngày 07/4/2022, về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST- DS, ngày 17 tháng 7 năm 2022; giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Duy Ph, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp TT, xã TP, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* 1/ Ông Ngô Thanh P, sinh năm: 1970.

2/ Bà Võ Thị B, sinh năm: 1975.

Cùng địa chỉ: Ấp BTM, xã PĐ, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

(Ông Ph, bà B có mặt tại, ông P xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Duy Ph trình bày:**

Năm 2020, tôi có cho vợ chồng ông P và bà B vay 230.000.000 đồng, có làm biên nhận. Đến ngày 20/4/2021, ông P và bà B vay thêm 10.000.000 đồng, tổng cộng tiền vay là 240.000.000 đồng. Ông P và bà B hủy bỏ biên nhận 230.000.000 đồng và viết lại biên nhận ngày 20/4/2021, có vay của tôi 240.000.000đ. Lúc này, có thỏa thuận khi tôi lấy lại tiền thì báo trước 01 tháng. Sau đó tôi có yêu cầu trả lại tiền thì ông P bà B có trả cho tôi 100.000.000 đồng vào ngày 26/3/2022. Nay ông P bà B còn nợ tôi

140.000.000 đồng. Yêu cầu ông P bà B trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Không yêu cầu trả lãi.

**** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị B trình bày:***

Tôi có vay tiền của ông Ph từ năm 2017 đến năm 2020, làm nhiều lần, không làm biên nhận. Tổng cộng tiền vay là 140.000.000 đồng. Đến ngày 20/4/2021, tôi vay thêm của ông Ph 10.000.000 đồng. Ông Ph đến nhà tôi và yêu cầu tôi viết biên nhận nợ số tiền 240.000.000 đồng là gồm có 150.000.000 đồng tiền vay và 90.000.000 đồng tiền lãi. Toàn bộ biên nhận ngày 20/4/2021 là do tôi viết, trừ chữ viết tên và họ tên Ngô Thanh P tôi không biết ai viết. Do làm ăn thất bại, kinh tế đang gặp khó khăn nên xin trả tiền vay là 150.000.000 đồng. Ngày 26/3/2022, ông P đã trả được 100.000.000 đồng nên nay còn nợ 50.000.000 đồng tiền vốn. Tôi đồng ý trả 50.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

**** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Ngô Thanh P trình bày:***

Tôi không trực tiếp vay tiền của ông Ph nhưng có biết việc bà B vay tiền ông Ph. Bà B vay tiền để làm vốn mua bán, phát triển kinh tế gia đình. Tôi có nghe bà B nói lại là vay tổng cộng 150.000.000 đồng nhưng bà B viết biên nhận ghi là 240.000.000 đồng là do có 90.000.000 đồng tiền lãi. Nay đồng ý cùng bà B trả nợ cho ông Ph nhưng do kinh tế khó khăn nên xin trả tiền vốn là 150.000.000 đồng. Ngày 26/3/2022, tôi có trả cho ông Ph 100.000.000 đồng nên nay còn nợ 50.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật

Ông Nguyễn Duy Ph khởi kiện bà Võ Thị B và ông Ngô Thanh P về việc nợ tiền vay nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự, theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện TPĐ theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về phạm vi khởi kiện, thời hiệu khởi kiện

Ông Nguyễn Duy Ph yêu cầu bà Võ Thị B và ông Ngô Thanh P trả tiền vay theo biên nhận nợ ghi ngày 20/4/2022. Do đó, Tòa án thụ lý vụ án ngày 07/4/2022 là đúng theo quy định tại Điều 429 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết, bị đơn không có yêu cầu phản tố.

[3] Về nội dung vụ kiện

Tại phiên Tòa, ông Ph giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông P và bà B cùng có nghĩa vụ trả 140.000.000đ theo biên nhận ngày 20/4/2021. Bà B thì cho rằng chỉ vay tổng cộng 150.000.000 đồng, đã trả 100.000.000 đồng nên chỉ còn nợ 50.000.000 đồng. Xét thấy:

Tại phiên tòa, bà B thừa nhận có viết, ký tên “*Biên nhận*” ngày 20/4/2021. Theo biên nhận ngày 20/4/2021, bà B và ông P vay của ông Ph 240.000.000 đồng. Bà B trình bày chỉ vay 150.000.000 đồng, còn lại 90.000.000 đồng là tiền lãi nhưng không có chứng cứ chứng minh, nên lời trình bày của bà B không có cơ sở chấp nhận.

Tại bản tự khai ngày 11/7/2022, ông P trình bày không trực tiếp vay tiền, nhận tiền của ông Ph nhưng ông P biết bà B vay tiền ông Ph. Ông không ký tên vào “*Biên nhận*” ngày 20/4/2021 nhưng bà B vay tiền ông Ph để làm vốn mua bán, tạo thu nhập chung của vợ chồng, đến ngày 23/6/2022 ông P đã trả cho ông Ph 100.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định, số tiền bà B vay của ông Ph theo biên nhận ngày 20/4/2021 là nợ chung của vợ chồng. Do đó, ông P phải có nghĩa vụ cùng bà B trả tiền cho ông Ph theo quy định.

Từ những phân tích như trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ph. Ông Ph không yêu cầu trả tiền lãi nên không xem xét.

Xét về thời gian trả tiền: Tại phiên tòa, ông Ph bà B xác định khi vay không thỏa thuận cụ thể ngày trả tiền nhưng có thỏa thuận, khi ông Ph lấy lại tiền, thì báo trước một tháng. Ngày 26/3/2022, ông P có trả được 100.000.000đ. Do đó có cơ sở, xác định ông Ph đã yêu cầu ông P bà B trả tiền trước ngày 26/3/2022. Nay bà B, ông P xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng sẽ kéo dài thời gian, gây thiệt thòi cho quyền lợi của ông Ph. Do đó cần buộc ông P, bà B trả tiền cho ông Ph khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên

Ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về án phí

- Yêu cầu của ông Ph được chấp nhận nên ông Ph không nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông P và bà B có nghĩa vụ trả tiền nên phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy Ph.

- Buộc ông Ngô Thanh P và bà Võ Thị B cùng có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Duy Ph số tiền vay còn nợ là 140.000.000 (*một trăm bốn mươi triệu*) đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí:

+ Ông Ngô Thanh P và bà Võ Thị B cùng có nghĩa vụ nộp 7.000.000 (*bảy triệu*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Duy Ph không nộp án phí sơ thẩm, trả cho ông Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000 (*ba triệu năm trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0008181, ngày 01/4/2022 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện TPĐ.

Đến hạn trả tiền, nếu bà Võ Thị B và ông Ngô Thanh P không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hợp lệ.

**TM. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND H. TPĐ;
- THA DS H. TPĐ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI

**TM. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TXGC;
- THA DS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI